Chi tiết mã HS 6901.00.00

Mã HS	6901.00.00
Mô tả hàng hóa	Gạch, gạch khối, tấm lát (tiles) và các loại hàng gốm, sứ khác làm từ bột silic hóa thạch (ví dụ, đất tảo cát, đá tảo silic hoặc diatomit) hoặc từ các loại đất silic tương tự
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 05:34:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/69010000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10304
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10304
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10304
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9790
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9741
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9741
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9741
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9741
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9741
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9741
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E9793
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9793

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9793
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9793
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9793
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9793
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E9794
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F9794
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9794
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9794
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9794
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9794
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9795
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9747
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9753
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9753
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9753
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9753
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9753
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9753
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9778
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9778
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9778
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9778
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9778
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9778
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9825
VCFTA	2023	2023	3	VC!E9825

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9825
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9825
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9825
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9825
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9804
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9804
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9804
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9804
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9804
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9804
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D9816
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E9816
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F9816
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G9816
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H9816
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9816
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D9827
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E9827
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F9827
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G9827
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H9827
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9827
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D9826
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E9826
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F9826
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G9826

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H9826
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9826
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9773
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9773
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9773
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9773
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9773
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9773
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9773
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9810
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9810
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9810
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9810
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9810
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9810
RCEP B	2022	2022	0	B!D9810
RCEP B	2023	2023	0	B!E9810
RCEP B	2024	2024	0	B!F9810
RCEP B	2025	2025	0	B!G9810
RCEP B	2026	2026	0	B!H9810
RCEP B	2027	2027	0	B!I9810
RCEP C	2022	2022	0	C!D9810
RCEP C	2023	2023	0	C!E9810
RCEP C	2024	2024	0	C!F9810
RCEP C	2025	2025	0	C!G9810
RCEP C	2026	2026	0	C!H9810

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9810
RCEP D	2022	2022	0	D!D9809
RCEP D	2023	2023	0	D!E9809
RCEP D	2024	2024	0	D!F9809
RCEP D	2025	2025	0	D!G9809
RCEP D	2026	2026	0	D!H9809
RCEP D	2027	2027	0	D!I9809
RCEP E	2022	2022	0	E!D9813
RCEP E	2023	2023	0	E!E9813
RCEP E	2024	2024	0	E!F9813
RCEP E	2025	2025	0	E!G9813
RCEP E	2026	2026	0	E!H9813
RCEP E	2027	2027	0	E!I9813
RCEP F	2022	2022	0	F!D9810
RCEP F	2023	2023	0	F!E9810
RCEP F	2024	2024	0	F!F9810
RCEP F	2025	2025	0	F!G9810
RCEP F	2026	2026	0	F!H9810
RCEP F	2027	2027	0	F!I9810
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F9075
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G9075
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H9075
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I9075

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6901.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6901.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10304), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.